

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/DS-PT

Ngày 15 - 11 - 2022

“V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phấn

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Hồng Vân

Bà Trần Thị Mỹ Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 98/2021/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”;

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 25/2021/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân V, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 92/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Đình C, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm 23, xã C, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Đình C:

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958 (vợ của ông C); địa chỉ: Xóm 23, xã C, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có mặt;

+ Bà Nguyễn Thị Th, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư C, Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Võ Đình T, sinh năm 1963 (đã chết ngày 07 tháng 12 năm 2021) và bà Dương Thị Th, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 23, xã C, thành phố V, tỉnh Nghệ An; bà Th có mặt.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Đình T : Bà Dương Thị Th (vợ của ông T), sinh năm 1972; anh Võ Tất Đ, sinh năm 2000 và chị Võ Dương Thu H, sinh năm 2002 (anh Đ và chị H là con đẻ của ông T); địa chỉ: Xóm 23, xã C, thành phố V, tỉnh Nghệ An; bà Th có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th : Bà Nguyễn Thị A ,
Luật sư thuộc Văn phòng luật sư V và Cộng sự. Có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Võ Thị Th , sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm 23, xã C, thành phố V, tỉnh
Nghệ An; có mặt;

+ Ông Võ Đình S , sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm 23, xã C, thành phố V,
tỉnh Nghệ An. Có mặt;

+ Bà Võ Thị D , sinh năm 1975 (Chết ngày 30/9/2021); Người kế thừa
quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà D : Ông Nguyễn Viết S , sinh năm 1967 (Chồng
của bà D), chị Nguyễn Võ Ngọc Tr sinh năm 2000; chị Nguyễn Khánh L sinh
năm 2003; cháu Nguyễn Thành L sinh năm 2016 (Các con của bà Do). Điều có
địa chỉ: Xóm Trung Liên, xã C, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Thống nhất cử ông
Nguyễn Viết S đại diện đề nghị vắng mặt;

+ Anh Võ Tất Th , sinh năm 1983 và chị Lê Thị Khánh V , sinh năm 1986;
địa chỉ: Xóm 23, xã C, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

+ Anh Võ Tất Đ , sinh năm 2000;

+ Chị Võ Dương Thu H , sinh năm 2002;

Anh Đ , chị H là các con của ông T , bà Th; địa chỉ: Xóm 23, xã C, thành
phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Đình T và bà Dương Thị Thv.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Căn cứ đơn khởi kiện, các lời khai, hòa giải trong quá trình giải quyết vụ
án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Võ Đình C, người đại diện theo ủy quyền của
ông C trình bày:* Bố mẹ của ông Võ Đình C là cụ Võ Đình V, sinh năm 1930 và
cụ Hoàng Thị Nh, sinh năm 1931. Hai cụ có 05 người con gồm: Ông Võ Đình
C, ông Võ Đình T, bà Võ Thị Th, ông Võ Đình S và bà Võ Thị D. Sau khi kết
hôn, hai cụ sinh sống trên thửa đất số 761, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.332m² và
thửa đất số 787, tờ bản đồ số 03, diện tích 676m², nay là thửa đất số 304, tờ bản
đồ số 33, diện tích 1.902,5m² tại xóm 23, xã V, thành phố V, tỉnh Nghệ An.
Tháng 4 năm 2017, cụ Nh chết, tháng 12 năm 2017, cụ V chết. Khi chết, cụ V,
cụ Nh không ai để lại di chúc mà nguyện vọng để lại khoảng 100m² để làm nhà
thờ, phần đất còn lại chia cho 05 người con trên cơ sở vị trí các nhà đã xây để ở.
Tuy nhiên, sau khi các cụ chết, các anh chị em bàn bạc thống nhất làm các thủ
tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên một người là ông Võ Đình
S, sau khi làm xong thủ tục sẽ chia theo nguyện vọng của bố mẹ nhưng vợ
chồng ông Võ Đình T và bà Dương Thị Th không đồng ý. Khi đó, bà Th có đơn
gửi chính quyền địa phương giải quyết tranh chấp đất, bà Th cho rằng năm
2003, cụ V và cụ Nh đã để lại bản di chúc cho vợ chồng, con cái của bà Th một
phần diện tích đất khoảng 700m², không phải phần diện tích vợ chồng bà Th
đang sử dụng như nguyện vọng của cụ V khi còn sống. Tuy nhiên, diện tích mà

bà Th yêu cầu không đúng vì nếu theo bà Th thì phần đất này bao gồm cả phần ngõ đi vào nhà cụ V, cụ Nh trước đây ở và nhà của ông S nên các anh chị em không đồng ý. Gia đình đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không đạt được kết quả. Để giải quyết dứt điểm, tạo sự đoàn kết trong nội bộ và bảo đảm quyền lợi các anh chị em trong gia đình, ông C yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế do bố mẹ của ông để lại theo quy định của pháp luật là thửa đất số 304, tờ bản đồ số 33, diện tích 1.902,5m² tại xóm 23, xã Nghi Phú, thành phố V, tỉnh Nghệ An cho 05 anh em gồm: Ông Võ Đình C, ông Võ Đình T, bà Võ Thị Th, ông Võ Đình S và bà Võ Thị D. Ông C có nguyện vọng cắt một phần đất khoảng 100m² để làm nhà thờ, phần còn lại chia đều cho anh chị em trong gia đình theo hướng phần đất có nhà của ai, đang ở vị trí nào thì giao cho người đó sở hữu, phần của ai có diện tích lớn hơn thì phải trích giá trị bằng tiền cho người có diện tích Nh hơn. Ông C có nguyện vọng được nhận một phần diện tích của thửa đất, nếu không được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo ông Võ Đình T (khi còn sống) trình bày: Bố mẹ của ông T là cụ Võ Đình V và cụ Hoàng Thị Nh có 05 người con gồm ông Võ Đình C, ông Võ Đình T, bà Võ Thị Th, ông Võ Đình S và bà Võ Thị D. Hai cụ ở trên thửa đất số 304, tờ bản đồ 33, tại xóm 23, xã Nghi Phú, thành phố V, tỉnh Nghệ An đến năm 2017 thì hai cụ chết và không để lại di chúc gì. Năm 1996, ông T kết hôn với bà Dương Thị Th và về ở chung với hai cụ trong nhà một thời gian ngắn. Năm 1997, vợ chồng ông T làm nhà ở riêng trên một phần diện tích đất và đã có khuôn viên riêng từ đó đến nay. Nay ông C khởi kiện yêu cầu trích một phần đất làm nhà thờ thì ông T cũng đồng ý. Phần còn lại ông C yêu cầu chia cho năm anh em thì ông không đồng ý. Vì khi hai cụ còn sống đã chỉ cho mỗi người ở một phần đất trong vườn và các anh, chị, em đã làm nhà, chỉ có bà D cụ V có dọn cho một phần đất nhưng chưa chỉ cho ở đâu. Ông T đề nghị giao phần diện tích đất mà hai cụ đã cho ông T làm nhà ở ổn định cho gia đình ông. Phần đất còn lại sau khi trừ đất làm nhà thờ thì chia thừa kế cho năm anh chị em.

Bà Dương Thị Th trình bày: Bà Th thừa nhận hoàn C gia đình, thời gian cụ Võ Đình V, cụ Hoàng Thị Nh chết; những người con, tài sản để lại bố mẹ chồng là cụ V và cụ Nh như ông Võ Đình C, ông Võ Đình T trình bày là đúng. Tuy nhiên, nay ông C khởi kiện yêu cầu chia toàn bộ diện tích thửa đất số 304, tờ bản đồ số 33, diện tích 1.902,5m² tại xóm 23, xã Nghi Phú, thành phố V, tỉnh Nghệ An mà cụ V và cụ Nh để lại, bà Th không đồng ý. Vì năm 1996, bà Th kết hôn với ông T về ở chung với hai cụ trong nhà một thời gian ngắn. Năm 1997, vợ chồng bà Th, ông T đã làm nhà ở trên một phần diện tích thửa đất và có khuôn viên riêng từ đó đến nay. Năm 2017, cụ V, cụ Nh chết. Năm 2018, các anh chị em bàn nhau làm Giấy CNQSDĐ toàn bộ diện tích mang tên ông Võ Đình S nên bà Th không đồng ý. Bà Th đã làm đơn gửi Ủy ban nhân dân xã Nam Đàn đề nghị không cho làm Giấy chứng nhận QSD đất với lý do trong toàn bộ diện tích đất cụ V, cụ Nh để lại, năm 2003, cụ V, cụ Nh đã viết giấy cho gia đình bà Th gồm: Ông T, bà Th, anh Đạt và chị Hà một phần diện tích đất khoảng 700m². Việc cụ V, cụ Nh cho thể hiện qua “Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất

ở” viết ngày 24 tháng 6 năm 2003, có xác nhận của xóm trưởng và Ủy ban nhân dân xã Nghi Phú tại thời điểm đó. Đơn do cụ V đưa cho bà Th cất giữ, tại đơn có chữ ký của cụ Võ Đình V, cụ Hoàng Thị Nh, ông Võ Đình C, bà Võ Thị Th, ông Võ Đình T, bà Võ Thị D với nội dung: “... Vợ chồng tôi đã thống nhất và quyết định cho cháu thừa kế một phần đất trong vườn nhà cụ thể vị trí phần đất đó nằm trước căn nhà tôi chếch về phía Tây Nam với: Phía Bắc giáp gia đình ông Đoàn, phía Tây giáp trục đường đi của xóm, phía Nam giáp gia đình ông Lợi, phía Đông giáp phần đất của tôi với chiều dài 33 mét, chiều rộng 26 mét. Quyết định này được sự thống nhất của cả gia đình. Hiện tại gia đình cháu T đã làm nhà và sinh sống tại phần đất đó. Kể từ năm 2003, mảnh đất này thuộc quyền sử dụng của gia đình con trai tôi là Võ Đình T và vợ là Dương Thị Th cùng 02 cháu Võ Tấn Đạt, Võ Dương Thu Hà ở xóm 23, xã Nghi Phú. Vậy tôi viết đơn này kính xin chính quyền địa phương xác nhận để đảm bảo quyền lợi cho gia đình con trai tôi và cũng để gia đình cháu thực hiện mọi khoản do nhà nước đề ra”. Đơn này có xác nhận của ông Lê Hồng Tư là xóm trưởng và ông Nguyễn Sỹ Tân là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nghi Phú tại thời điểm đó. Như vậy, đơn này có hiệu lực. Nay, ông C khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là toàn bộ diện tích đất tại thửa đất số 304, tờ bản đồ số 33, diện tích là 1.902,5m² tại xóm 23, xã Nghi Phú, thành phố V, tỉnh Nghệ An, bà Th không đồng ý. Bà đề nghị Tòa án xem xét và công nhận việc cụ V, cụ Nh để lại thừa kế, tặng cho gia đình bà một phần diện tích đất khoảng 700m² theo “Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất ở” mà cụ V đã giao cho bà Th cất giữ từ năm 2003 là của gia đình bà Th gồm; ông T, bà Th, anh Đạt và chị Hà. Phần diện tích đất còn lại đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Võ Đình S trình bày: Ông S thừa nhận lời trình bày của ông Võ Đình C về hoàn C gia đình, thừa đất tranh chấp, thời gian cụ V, cụ Nh chết như lời trình bày của ông C, ông T là đúng. Năm 2017, cụ V, cụ Nh chết không để lại di chúc gì. Khi cụ V và cụ Nh còn sống có nguyện vọng là trích chia một phần đất làm nhà thờ, phần còn lại chia cho 05 anh chị em theo hướng ai đang ở vị trí nào thì giao cho vị trí đó vì quá trình hai cụ sống, năm 1997, hai cụ đã cho ông Võ Đình T làm nhà ở trên một phần diện tích thửa đất, năm 1998, đã cho bà Võ Thị Th làm nhà ở trên một phần diện tích thửa đất, năm 2013, cho vợ chồng cháu Võ Tất Thành (con trai ông Võ Đình C) làm nhà ở trên một phần diện tích đất và ông S làm nhà ở chung với hai cụ. Khi còn sống, các cụ có nguyện vọng làm giấy CNQSDĐ để tách một phần đất làm nhà thờ, phần còn lại chia cho 05 anh em nhưng chưa làm được. Sau khi hai cụ chết, các anh em trong gia đình thống nhất bàn bạc làm giấy CNQSDĐ chung mang tên ông S, sau đó, đề tách chia cho mỗi gia đình một phần diện tích đất như nguyện vọng của hai cụ khi đang còn sống thì bà Dương Thị Th có đơn tranh chấp với lý do trong thửa đất của hai cụ để lại, hai cụ đã cho gia đình ông T, bà Th một phần diện tích đất khoảng 700 m². Khi đó bà Th đã đưa ra “Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất ở” viết ngày 24 tháng 6 năm 2003 có xác nhận của xóm trưởng và Ủy ban nhân dân xã tại thời điểm đó. Các anh chị em trong gia đình xem thì thấy đơn đó không phải do cụ V viết ra, trong đơn có chữ ký của cụ V, cụ Nh, ông T, ông C, bà Th, bà D với nội

dung gia đình đã bàn bạc thống nhất là không đúng. Tại thời điểm năm 2003, gia đình ông không có ngôi họp lần nào để thống nhất việc chia đất cho ai. Khi đó, trên đất đã có 03 gia đình đã làm nhà ở ổn định trên đất, nên nếu viết giấy cho thì sẽ thống nhất viết cụ thể cho từng nhà chứ không phải cho một nhà ông T, bà Th. Các chữ ký của các anh chị em trong gia đình đều không đúng, bản thân ông T cũng không biết có đơn này. Ông S cũng không ký trong đơn. Hơn nữa, cụ Nh là người không biết chữ, năm 2003, cụ Nh đã ốm nằm một chỗ nên chữ “Hoàng Thị Nh” ở đơn đó không phải của cụ Nh. Việc bà Th cho rằng cụ V, cụ Nh cho gia đình bà Th diện tích đất khoảng 700m² như nội dung “Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất ở” viết là bao gồm cả phần lối đi vào nhà mà gia đình đang sử dụng là không đúng. Anh chị em trong gia đình và chính quyền bàn bạc nhiều lần về việc chia diện tích đất theo nguyện vọng của ông bà khi đang còn sống nhưng bà Th, ông T không đồng ý. Nay, ông Võ Đình C khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại, ông S cũng đồng ý và có nguyện vọng trích một phần diện tích đất để làm nhà thờ phần đất còn lại chia cho 05 anh em theo hướng giữ nguyên vị trí nhà của các gia đình đang ở để ổn định cuộc sống. Ông S có nguyện vọng nhận một phần đất hiện nay đang có nhà của ông S và ông bà để ở. Nếu không được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bà Võ Thị Th trình bày: Bà Th thừa nhận lời trình bày của ông Võ Đình C, ông Võ Đình T và ông Võ Đình S về hoàn cảnh gia đình, thừa đất tranh chấp là đúng. Khi cụ Võ Đình V và cụ Hoàng Thị Nh đang sống thì năm 1997, đã cho ông Võ Đình T làm nhà trên một phần diện tích thừa đất, năm 1998, cho bà Võ Thị Th về làm nhà trên một phần diện tích thừa đất, năm 2013, cho vợ chồng anh Võ Tất Th (con trai của ông Võ Đình C) làm nhà ở trên một phần diện tích thừa đất còn ông Võ Đình S do chưa có gia đình nên làm nhà ở chung với ông bà. Lúc hai cụ còn sống cũng đã có nguyện vọng cắt một phần đất để làm nhà thờ, phần đất còn lại chia cho 05 anh em nhưng do chưa làm được giấy CNQSDĐ nên chưa cắt chia cụ thể cho ai ở đâu, diện tích bao nhiêu. Năm 2017, hai cụ chết không để lại di chúc gì. Sau khi hai cụ chết, 05 anh em thống nhất làm giấy CNQSDĐ chung mang tên ông S, để sau đó cắt chia cho các anh, chị, em trong gia đình thì bà Th có đơn tranh chấp. Khi đó bà Th đưa ra “Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất ở” viết ngày 24 tháng 6 năm 2003 có xác nhận của xóm trưởng và Ủy ban nhân dân xã Nghi Phú tại thời điểm đó. “Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất ở” có nội dung gia đình họp thống nhất cho gia đình bà Th diện tích đất khoảng 700m² và có chữ ký của cụ V, cụ Nh, ông C, ông T, bà D và bà là “Võ Thị Th”. Tuy nhiên, chữ đó không phải của bà viết. Ngoài ra, năm 2002, cụ Hoàng Thị Nh bị bệnh phải nằm một chỗ phải người khác phục vụ, bản thân cụ Nh không biết chữ nên chữ “Hoàng Thị Nh” đó không phải là của cụ Nh. “Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất ở” đó không phải do cụ V viết. Nếu cụ V viết cho thì phải chia cho các con luôn, chứ không phải chia cho mỗi gia đình ông T. Khi đó gia đình ông T, bà Th, ông S đã làm nhà ở ổn định trên đất đó rồi. Phần diện tích đất mà bà Th cho rằng bố mẹ bà cho gia đình bà Th, ông T bao gồm cả phần lối đi vào nhà mà gia đình đang sử dụng là không đúng. Nay, ông Võ Đình C khởi kiện yêu cầu trích chia một phần đất làm nhà thờ, phần còn lại

chia thừa kế cho 05 anh em thì bà Th cũng đồng ý và bà Th xin nhận một phần diện tích đất mà hiện nay bà đang sử dụng và có nhà trên đất để ổn định cuộc sống.

Bà Võ Thị D (khi còn sống) trình bày: Bà D thừa nhận lời trình bày của ông Võ Đình C, ông Võ Đình T và ông Võ Đình S về hoàn C gia đình, thừa đất tranh chấp là đúng. Khi cụ Võ Đình V và cụ Hoàng Thị Nh đang sống, năm 1997, đã cho ông Võ Đình T làm nhà trên một phần diện tích thừa đất, năm 1998, cho bà Th làm nhà trên một phần diện tích thừa đất, năm 2013, cho anh Võ Tất Thành (con trai của ông Võ Đình C) làm nhà ở trên một phần diện tích thừa đất, còn ông Võ Đình S do chưa có gia đình nên làm nhà ở chung với hai cụ. Lúc còn sống, cụ V và cụ Nh cũng đã có nguyện vọng cắt một phần đất để làm nhà thờ, phần đất còn lại chia cho 05 anh em nhưng do chưa làm được giấy CNQSDĐ nên chưa cắt chia cho ai diện tích nào, cụ thể bao nhiêu. Khi còn sống, hai cụ cũng nói cho bà D một phần diện tích đất khoảng 100m² đến 150m² nhưng không nói cụ thể chỗ nào. Năm 2017, hai cụ chết không để lại di chúc gì. Năm 2018, các anh em trong gia đình thống nhất làm giấy CNQSDĐ chung mang tên ông S để sau đó cắt chia cho các anh chị em trong gia đình như nguyện vọng của hai cụ, bà Th có đơn tranh chấp gửi Ủy ban nhân dân xã Nghi Phú. Khi đó, bà Th đưa ra “Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất ở” viết ngày 24 tháng 6 năm 2003 có xác nhận của xóm trưởng và Ủy ban nhân dân xã Nghi Phú tại thời điểm đó. “Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất ở” có nội dung gia đình hợp thống nhất cho gia đình bà Th diện tích đất khoảng 700m² và có chữ ký của cụ V, cụ Nh, ông C, ông T, bà Th và bà là “Võ Thị D”. Tuy nhiên, chữ đó không phải của bà viết. Ngoài ra, năm 2002, cụ Hoàng Thị Nh bị bệnh phải nằm một chỗ phải người khác phục vụ, bản thân cụ Nh không biết chữ nên chữ “Hoàng Thị Nh” đó không phải là của cụ Nh. “Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất ở” đó không phải do cụ V viết. Nếu cụ V viết cho thì phải chia cho các con luôn, chứ không phải chia cho mỗi gia đình ông T. Khi đó, gia đình ông T, bà Th, ông S đã làm nhà ở ổn định trên đất đó rồi. Phần diện tích đất mà bà Th cho rằng bố mẹ bà cho gia đình bà Th, ông T bao gồm cả phần lối đi vào nhà mà gia đình đang sử dụng là không đúng. Nay, ông Võ Đình C khởi kiện yêu cầu trích chia một phần đất làm nhà thờ, phần còn lại chia thừa kế cho năm anh em thì bà D cũng đồng ý và bà D xin được chia một phần diện tích đất, vị trí ở đâu cũng được. Nếu không được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Võ Tất Th, chị Lê Thị Khánh V thống nhất trình bày: Anh Th và chị V kết hôn năm 2010. Sau khi kết hôn, năm 2013, cụ V, cụ Nh đã cho vợ chồng anh chị một phần diện tích đất khoảng 200m² trong thừa đất của hai cụ để làm nhà ở. Năm đó, bố mẹ của anh Th và vợ chồng anh Th đã làm nhà cho vợ chồng ở ổn định từ đó đến nay. Khi cụ V, cụ Nh cho làm nhà, các chú, các o đều biết và không ai có ý kiến gì. Tuy nhiên, khi cho làm nhà thì cho bằng miệng chứ không có bất kỳ văn bản nào và cũng không làm thủ tục gì. Năm 2017, cụ V, cụ Nh chết. Năm 2018, bố của anh Th và các o chú họp lại thống nhất cử ông Võ Đình S đứng tên làm giấy CNQSDĐ chung, sau đó, về tách chia cho các gia đình như nguyện vọng của ông bà đang sống thì bị bà Dương Thị Th (vợ của ông T) có đơn tranh

chấp gửi Ủy ban nhân dân xã V. Bà Th đưa ra “Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất ở” viết ngày 24 tháng 6 năm 2003 có xác nhận của xóm trưởng và Ủy ban nhân dân xã V tại thời điểm đó. Bà Th khẳng định đây là bản di chúc ông bà cho đã thể hiện định vị, diện tích đất rõ ràng có đầy đủ chữ ký của các anh chị em trong gia đình. Khi đó, ông T cũng không biết có “Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất ở” này, bố anh và các o cho rằng “Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất ở” này không đúng vì cụ Hoàng Thị Nh không biết chữ nên không thể ký vào đó được, bố và các o cũng không ký vào “Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất ở” đó và cũng không có việc họp gia đình thống nhất cho diện tích đất 700m² bao gồm cả lối đi gia đình cụ V, cụ Nh, chú S đang sử dụng là không đúng. Khi xảy ra tranh chấp, gia đình cũng họp bàn bạc mà không được. Nay, ông C khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với toàn bộ thừa kế của cụ V, cụ Nh để lại anh Thành, chị Vân đề nghị Tòa án xem xét việc cụ V, cụ Nh cho vợ chồng anh một phần diện tích đất khoảng 200m² và đã làm nhà ở ổn định đều có sự chứng kiến của các chú, các o và bà Th để vợ chồng anh ổn định cuộc sống, phần diện tích còn lại đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Anh Võ Tất Đ và chị Võ Dương Thu H thống nhất trình bày: Anh Đ và chị Hà là con của ông Võ Đình T, bà Dương Thị Th. Việc ông Võ Đình C khởi kiện chia thừa kế, anh Đ, chị H không đồng ý. Theo anh Đ, chị H được bà Th cho biết thì phần đất hiện gia đình anh chị đang ở đã được cụ V, cụ Nh cho và viết “Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất ở” có xác nhận của xóm trưởng và Ủy ban nhân dân xã V tại thời điểm đó với diện tích khoảng 700m² được định vị: Phía Tây giáp đường xóm có chiều dài 26 mét, phía Bắc giáp nhà ông Đ có chiều dài 33 mét, phía Nam giáp gia đình ông Lợi có chiều dài 33 mét, phía Đông giáp đất ông bà. Nay, ông Võ Đình C khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là thừa kế của cụ Võ Đình V, cụ Hoàng Thị Nh thì anh Đ, chị H đề nghị Tòa án công nhận việc hai cụ đã viết giấy thừa kế, tặng cho ông T, bà Th và anh Đạt, chị H diện tích đất đó để đảm bảo quyền lợi của gia đình anh chị. Phần còn lại thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Áp dụng khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 609, 613, 614, 615, 616, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự; xử:

1. Trích chia phần diện tích đất để làm đường đi chung có diện tích 164,5m². Đất được định vị: Phía Tây Nam giáp đường xóm có chiều dài từ điểm 26 đến điểm 25 dài 5,95 mét và giáp nhà ông Đoàn có chiều dài từ điểm 1 đến điểm 27 dài 6,72 mét; phía Đông Nam giáp phần đất giao cho ông T có chiều dài từ điểm 25 đến điểm 28 dài 22,57 mét; phía Đông Bắc giáp phần đất giao cho ông C, ông T, ông S, bà Th, bà D để làm nhà thờ có chiều dài từ điểm 28 đến điểm 30 dài 12,33 mét; phía Tây Bắc giáp phần đất giao cho ông S có chiều dài từ điểm 30 đến điểm 1 dài 5,51 mét và giáp nhà ông Đoàn từ điểm 27 đến 26 dài 18,30 mét (có sơ đồ kèm theo và ký hiệu S5)

2. Tạm giao cho ông Võ Đình C, ông Võ Đình T, ông Võ Đình S, bà Võ Thị Th, bà Võ Thị D được quyền sử dụng diện tích đất **140,3m²**. Đất được định vị: Phía Tây Nam giáp đường đi chung có chiều dài từ điểm 28 đến điểm 30 dài 12,33 mét; phía Đông Nam giáp phần đất giao cho ông T có chiều dài từ điểm 28 đến điểm 29 dài 0,82 mét và giáp phần đất giao cho bà D có chiều dài từ điểm 29 đến điểm 20 có chiều dài 06 mét; phía Đông Bắc giáp thửa đất của ông Chiến có chiều dài từ điểm 20 đến điểm 19 dài 1,24 mét, từ điểm 19 đến điểm 18 dài 6,79 m và giáp phần đất giao cho ông C có chiều dài từ điểm 15 đến điểm 16 dài 5,01 mét; phía Đông Nam giáp phần đất nhà ông Chiến có chiều dài từ điểm 18 đến điểm 15 dài 10,89 mét (có sơ đồ kèm theo và ký hiệu S4).

3. Tạm giao cho ông Võ Đình T được quyền sử dụng diện tích đất 442,1m² có trị giá 5.747.300.000 đồng. Đất được định vị: Phía Tây Nam giáp đường đi của xóm có chiều dài từ điểm 24 đến điểm 15 dài 20,44 mét; phía Tây Bắc giáp đường đi chung vào thửa đất và thửa đất tạm giao cho ông S và giao cho những người thừa kế gồm ông C, ông T, ông S, bà Th, bà D có chiều dài từ điểm 25 đến điểm 28 dài 22,57 mét, từ điểm 28 đến điểm 29 dài 0,82 mét; phía Đông Bắc giáp phần đất tạm giao cho bà Võ Thị D có chiều dài từ điểm 29 đến điểm 23 dài 21 mét; phía Đông Nam giáp đường xóm có chiều dài từ điểm 24 đến điểm 23 dài 19,68 mét (có sơ đồ kèm theo và ký hiệu S7).

Giao cho ông Võ Đình T và bà Dương Thị Th được quyền sở hữu 01 ngôi nhà cấp bốn có diện tích khoảng 40 m², các công trình phụ kèm theo và cây cối trên phần đất được giao.

4. Tạm giao cho bà Võ Thị D được quyền sử dụng diện tích đất 115,9m² có trị giá 1.506.700.000 đồng. Đất được định vị: Phía Đông Nam giáp đường đi của xóm có chiều dài từ điểm 22 đến điểm 23 dài 5,5 mét; phía Tây Nam giáp phần đất tạm giao cho ông Võ Đình T có chiều dài từ điểm 29 đến điểm 23 dài 21 mét; phía Tây Bắc giáp thửa đất tạm cho những người thừa kế gồm ông C, ông T, ông S, bà Th, bà D có chiều dài từ điểm 29 đến điểm 20 dài 06 mét; phía Đông Bắc từ điểm 20 đến điểm 21 dài 9,8 mét và từ điểm 21 đến điểm 22 dài 11,22 mét (có sơ đồ kèm theo và ký hiệu S2).

5. Tạm giao cho ông Võ Đình C được quyền sử dụng diện tích đất 270,2m² có trị giá 1.756.300.000 đồng. Đất được định vị: Phía Đông Nam giáp nhà ông Chiến có chiều dài từ điểm 15 đến điểm 14 dài 6,96 mét và từ điểm 14 đến điểm 13 dài 11,12 mét; phía Đông Bắc giáp đường đi của xóm có chiều dài từ điểm 13 đến điểm 12 dài 10,20 mét và từ điểm 12 đến điểm 11 dài 4,80 mét; phía Tây Bắc giáp thửa đất tạm giao cho bà Võ Thị Th có chiều dài từ điểm 11 đến điểm 17 dài 17,72 mét; phía Tây Nam giáp phần đất tạm giao cho ông Võ Đình S và thửa đất tạm giao những người thừa kế gồm ông C, ông T, ông S, bà Th, bà D có chiều dài từ điểm 17 đến điểm 16 dài 9,54 mét và từ điểm 16 đến điểm 15 dài 05 mét.

Giao cho ông Võ Đình C được quyền sở hữu 01 ngôi nhà cấp bốn diện tích khoảng 60m² và toàn bộ công trình, cây cối trên phần đất được giao do anh Võ Tất Thành và chị Lê Thị Khánh Vân giao lại (có sơ đồ kèm theo và ký hiệu S3).

6. Tạm giao cho bà Võ Thị Th được quyền sử dụng diện tích đất 200m² có trị giá 1.300.000.000 đồng. Đất được định vị: Phía Đông Nam giáp phần đất tạm giao cho ông Võ Đình C có chiều dài từ điểm 11 đến điểm 17 dài 17,72 mét; phía Đông Bắc giáp đường đi của xóm có chiều dài từ điểm 11 đến điểm 10 dài 0,15 mét, từ điểm 10 đến điểm 9 dài 8,63 mét; phía Bắc giáp đường xóm có chiều dài từ điểm 9 đến điểm 8 dài 2,55 mét; phía Tây Bắc giáp đường xóm có chiều dài từ điểm 8 đến điểm 7 dài 15,76 mét; phía Tây Nam giáp phần đất tạm giao cho ông Võ Đình S có chiều dài từ điểm 17 đến điểm 7 dài 12,67 mét.

Giao cho bà Võ Thị Th được quyền sở hữu 01 ngôi nhà cấp bốn và các công trình trên phần diện tích đất được giao (Ký hiệu S2 sơ đồ kèm theo).

7. Tạm giao cho ông Võ Đình S được quyền sử dụng diện tích đất 587,1m² có trị giá 3.816.150.000 đồng. Đất được định vị: Phía Đông Nam giáp phần đất tạm giao cho những người thừa kế gồm ông C, ông T, ông S, bà Th, bà D có chiều dài từ điểm 16 đến điểm 30 dài 17,59 mét và giáp đường đi vào có chiều dài từ điểm 30 đến điểm 1 dài 5,51 mét; phía Đông Bắc giáp phần đất tạm giao cho ông Võ Đình C có chiều dài từ điểm 16 đến điểm 17 dài 9,54 mét và giáp phần đất tạm giao cho bà Võ Thị Th có chiều dài từ điểm 17 đến điểm 7 dài 12,67 mét; phía Tây Bắc giáp đường xóm có chiều dài từ điểm 7 đến điểm 6 dài 5,93 mét; từ điểm 4 đến điểm 5 dài 8,33 mét; từ điểm 5 đến điểm 4 dài 1,44 mét; từ điểm 4 đến điểm 3 dài 5,03 mét; phía Tây Nam giáp phần đất nhà ông Đoàn có chiều dài từ điểm 3 đến điểm 2 dài 7,47 mét; từ điểm 2 đến điểm 1 dài 22,35 mét.

Giao cho ông Võ Đình S được quyền sở hữu ngôi nhà cấp bốn và các công trình trên phần diện tích đất được giao (Ký hiệu S1 sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16 tháng 8 năm 2021, bị đơn ông Võ Đình T và bà Dương Thị Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Dương Thị Th giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa:

- Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, những người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục kháng cáo: Ông Võ Đình T và bà Dương Thị Th kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là đúng pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Đình T và bà

Dương Thị Th, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm; buộc đương sự phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị đơn ông Võ Đình T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị D chết, Tòa án cấp phúc thẩm xác định bà Dương Thị Th, anh Võ Tất Đ, chị Võ Dương Thu H (những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T) và ông Nguyễn Viết Sửu, chị Nguyễn Võ Ngọc Tr, chị Nguyễn Khánh L, cháu Nguyễn Thành L (những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà D) tham gia với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T, bà D. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Viết S có đơn đề nghị vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt họ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã hỏi ý kiến của các đương sự về việc có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung: Vợ chồng cụ Võ Đình V và cụ Hoàng Thị Nh sinh được 05 người con gồm: Ông Võ Đình C, ông Võ Đình T, bà Võ Thị Th, ông Võ Đình S, bà Võ Thị D. Cụ Hoàng Thị Nh chết ngày 07/4/2017, cụ Võ Đình V chết ngày 06/12/2017, hai cụ chết không để lại di chúc. Di sản thừa kế của hai cụ Nh, cụ V để lại gồm: Thửa đất số 304, tờ bản đồ số 33, diện tích 1.902,5m², tại xóm 23, xã Nghi Phú, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Theo kết quả định giá lại ngày 08/4/2021, Hội đồng định giá xác định phần diện tích giáp mặt đường phía Tây và cạnh phía Nam có trị giá 13.000.000đ/m²; phần còn lại phía sau có trị giá 6.500.000đ/m², có tổng giá trị 16.916.250.000 đồng. Hiện toàn bộ diện tích thửa đất đang được vợ chồng ông Võ Đình T, bà Dương Thị Th, ông Võ Đình S, bà Võ Thị Th và vợ chồng anh Võ Tất Thành, chị Lê Thị Khánh Vân quản lý, sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và các quy định của pháp luật, giao trích một phần diện tích đất để làm nơi thờ cúng chung, trích một phần diện tích đất để làm lối đi chung và chia cho các đồng thừa kế được quyền sử dụng một phần diện tích đất trong khối di sản.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn ông Võ Đình T và bà Dương Thị Th:

[4.1] Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các đồng thừa kế của cụ V, cụ Nh đều xác định thừa nhận và căn cứ theo các tài liệu do các cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất đai xác định thì quyền sử dụng thửa đất số 304, tờ bản đồ số 33, diện tích 1.902,5m², tại xóm 23, xã V, thành phố V, tỉnh Nghệ An là tài sản của vợ chồng cụ Võ Đình V và cụ Hoàng Thị Nh khi còn sống tạo lập. Ông T, bà Th cho rằng khi còn sống, cụ V, cụ Nh đã cho ông T, bà Th và hai con là anh Võ Tất Đ, chị Võ Dương Thu H diện tích 700m² theo “Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất ở” ngày 24 tháng 6 năm 2003 có xác nhận của xóm trưởng và Ủy ban nhân dân xã V. Xét thấy:

Tại Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất ở ngày 24 tháng 6 năm 2003 (Ngày 02/5/2003) có nội dung cụ V, cụ Nh cho ông T, bà Th, anh Đạt và chị Hà một phần diện tích đất tại thửa đất số 304 nhưng các đồng thừa kế của cụ V, cụ Nh không tham gia họp, chữ ký trong đơn không phải là chữ ký của cụ Nh và các đồng thừa kế. Quá trình giải quyết vụ án, tại lời khai ngày 12/11/2020 (BL, 56) và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 09/6/2021 (BL, 179), ông T (khi còn sống) xác định và thừa nhận: Ông T không họp cũng không biết Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất ở ngày 02/5/2003, đến khi tranh chấp vợ tôi đưa ra tôi mới biết. Bà Th cũng thừa nhận, “Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất ở” do bà Th viết, những nội dung do cụ V đọc, chứ không có các thành viên trong gia đình ngồi họp thống nhất như nội dung đã viết. Qua xác minh, đối chiếu nội dung Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất ở ngày 2/5/2003 có sự sửa chữa ngày, tháng và chiều dài, chiều rộng phần đất được cho nhưng bà Th không giải thích được. Bà Th cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ về việc nộp thuế hàng năm đối với phần đất và căn cứ phân diện tích đất cho gia đình bà Th thì không còn lối đi cho những người ở phía trong. Ngoài ra, các đương sự cũng thừa nhận quá trình trước khi cụ V chết cụ V đã nhiều lần đi làm thủ tục kê khai đề nghị cấp có thẩm quyền cấp giấy CNQSDĐ đối với toàn bộ diện tích thửa đất của V, cụ Nh.

Mặt khác, căn cứ tài liệu là Đơn đề nghị UBND xã Nghi Phú giải quyết liên quan đến thửa đất ngày 24/09/2018 (BL, 27), bà Th xuất trình kèm Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất ở (Bản phô tô trong đó có công chứng ngày 26/02/2018 (BL, 26), được viết **ngày 2 tháng 05 năm 2003**; Tại Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất ở (bản phô tô, bút lục 67 và bản chính bút lục số 171) đã sửa ngày viết 24/06/2003. Hơn nữa, tại Biên bản xác minh ngày 11/6/2021 (BL, 186) UBND xã Nghi Phú, xác định; Sổ sách tại xã không có văn bản nào liên quan đến văn bản Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất ở của ông Võ Đình V và bà Hoàng Thị Nh, văn bản có sự tẩy xóa để khớp với thời gian xác nhận của UBND xã Nghi Phú (Kèm theo bản phô tô Đơn xin chuyển quyền...đất ở viết ngày 2/05/2003, bút lục 190), chứ không phải ngày 24/06/2003 theo bản chính (có dấu đỏ UBND xã Nghi Phú). Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm bà Dương Thị Th xuất trình Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất ở ngày 2/5/2003 (bản gốc) nhưng phần nội dung về xác định tứ cận, diện tích phần đất bị nhàu nát không còn xác định được số liệu. Bà Th khẳng định đây là tài liệu gốc làm căn cứ chứng minh cho việc cụ V, cụ Nh và các thành viên trong gia đình đã thống nhất cho vợ chồng bà Th phân diện tích đất năm 2003; các tài liệu khác bà Th xuất trình trước đây (Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất ở ngày 24/6/2003 sao có xác nhận dấu đỏ của UBND xã Nghi Phú), bà Th xác định không có giá trị chứng minh và yêu cầu giám định các chữ ký, chữ viết một số người. Tại Kết luận giám định số: 08/KL-KTHS(DD3-TL) ngày 03/7/2022 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nghệ An, kết luận: “Chữ viết Võ Đình V, Võ Đình C, Võ Thị D, không đủ cơ sở để kết luận; chữ viết Võ Thị Th do cùng một người viết ra”. Bà Dương Thị Th yêu cầu giám định lại, tại Kết luận giám định số: 267/KT-KTHS ngày 09/9/2022 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công

an, kết luận: “Chữ viết Võ Đình V do cùng một người viết ra; chữ viết Võ Đình C, Võ Thị D không đủ cơ sở kết luận”.

Tại Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất ở ngày 2/5/2003 (bản gốc) do bà Th xuất trình và cho rằng là cơ sở chứng minh việc cụ V, cụ Nh tặng cho gia đình bà Th, phần diện tích đất bị nhàu nát không thể xác định được. Mặt khác, căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án (Các tài liệu pho to hồ sơ kê khai thủ tục đề nghị cấp Giấy CNQSD đất từ bút lục 127 đến 139) xác định, từ những năm 2001, 2003, 2008, 2011 và năm 2017 đều do cụ Võ Đình V là người trực tiếp thực hiện đối với toàn bộ diện tích đất. Như vậy, “Đơn xin chuyển quyền thừa kế đất ở” ngày 2/5/2003 mà bà Th xuất trình không phù hợp về nội dung văn bản di chúc hay văn bản tặng cho kể cả thời gian theo quy định pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông T, bà Th, anh Đạt và chị Hà.

[4.2] Về việc phân chia di sản thừa kế: Vợ chồng cụ Võ Đình V và cụ Hoàng Thị Nh sinh 05 người con gồm: Ông Võ Đình C, ông Võ Đình T, bà Võ Thị Th, ông Võ Đình S, bà Võ Thị D. Cụ Hoàng Thị Nh chết ngày 07/4/2017, cụ Võ Đình V chết ngày 06/12/2017, hai cụ chết không để lại di chúc. Di sản thừa kế của hai cụ Nh, cụ V để lại gồm: Thửa đất số 304, tờ bản đồ số 33, diện tích 1.902,5m², tại xóm 23, xã Nghi Phú, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Quá trình giải quyết vụ án, các đồng thừa kế thống nhất để lại một phần diện tích khoảng từ 100 đến 150m² để sử dụng làm nhà thờ chung. Xét thấy, căn cứ hiện trạng sử dụng và các tài sản trên đất các bên đang quản lý, sử dụng, Tòa án cấp sơ thẩm trích một phần diện tích đất để các đồng thừa kế làm nhà thờ, trích một phần diện tích đất để làm lối đi chung, diện tích đất còn lại chia cho các đồng thừa kế và giao theo vị trí hiện trạng các gia đình đã làm nhà ở là phù hợp, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cũng như nguyện vọng của các đương sự. Mặc dù giá trị di sản mà các thừa kế được hưởng có chênh lệch nhau nhưng các đương sự thống nhất không yêu cầu trích chênh lệch, do đó Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp. Đối với phần diện tích đất có ngôi nhà cấp bốn hiện vợ chồng anh Thành, chị Vân đang quản lý sử dụng, trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng anh Th, chị V và ông C thống nhất giao cho ông C toàn quyết định.

Từ các nội dung phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Võ Đình T và bà Dương Thị Th. Tuy nhiên, đối với diện tích đất trích để làm nhà thờ, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm thể hiện diện tích 140,9 m² nhưng tại sơ đồ đất kèm theo bản án lại là 140,3 m² là chưa chính xác. Ngoài ra, trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ông Võ Đình T, bà Võ Thị D là đương sự trong vụ án chết, những người thuộc hàng thứ kế thứ nhất được hưởng phần di sản. Do đó, cấp phúc thẩm cần chỉnh lý bổ sung cho phù hợp, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do ông T, bà D chết, nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương đương với giá trị phần di sản ông T, bà D được chia.

[6] Về án phí phúc thẩm: Ông Võ C T và bà Dương Thị Th kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm. Nay ông T chết các đồng thừa kế của ông T phải chịu.

[7] Về chi phí giám định tại Tòa án cấp phúc thẩm: Chi phí hai lần giám định hết 11.000.000 đồng, bà Th là người yêu cầu tự nguyện chịu toàn bộ đã thực hiện xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Đình T và bà Dương Thị Th, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng các Điều 609, 613, 614, 615, 616, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

2.1. Trích chia phần diện tích đất để làm đường đi chung có diện tích 164,4m². Đất được định vị: Phía Tây Nam giáp đường xóm có chiều dài từ điểm 26 đến điểm 25 dài 5,95 mét và giáp nhà ông Đoàn có chiều dài từ điểm 1 đến điểm 27 dài 6,72 mét; phía Đông Nam giáp phần đất giao cho ông T có chiều dài từ điểm 25 đến điểm 28 dài 22,57 mét; phía Đông Bắc giáp phần đất giao cho ông C, ông T, ông S, bà Th, bà D để làm nhà thờ có chiều dài từ điểm 28 đến điểm 30 dài 12,33 mét; phía Tây Bắc giáp phần đất giao cho ông S có chiều dài từ điểm 30 đến điểm 1 dài 5,51 mét và giáp nhà ông Đoàn từ điểm 27 đến 26 dài 18,30 mét (*có sơ đồ kèm theo và ký hiệu S5*)

2.2. Tạm giao cho ông Võ Đình C, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Đình T, ông Võ Đình S, bà Võ Thị Th, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Võ Thị D được quyền sử dụng diện tích đất 140,3m². Đất được định vị: Phía Tây Nam giáp đường đi chung có chiều dài từ điểm 28 đến điểm 30 dài 12,33 mét; phía Đông Nam giáp phần đất giao cho ông T có chiều dài từ điểm 28 đến điểm 29 dài 0,82 mét và giáp phần đất giao cho bà D có chiều dài từ điểm 29 đến điểm 20 có chiều dài 06 mét; phía Đông Bắc giáp thửa đất của ông Chiến có chiều dài từ điểm 20 đến điểm 19 dài 1,24 mét, từ điểm 19 đến điểm 18 dài 6,79 mét và giáp phần đất giao cho ông C có chiều dài từ điểm 15 đến điểm 16 dài 5,01 mét; phía Đông Nam giáp phần đất nhà ông Chiến có chiều dài từ điểm 18 đến điểm 15 dài 10,89 mét (*có sơ đồ kèm theo và ký hiệu S4*).

2.3. Tạm giao cho bà Dương Thị Th, anh Võ Tất Đ và chị Võ Dương Thu H (Là những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Đình T) được quyền sử dụng diện tích đất 442,1m² có trị giá 5.747.300.000 đồng (Năm tỷ, bảy trăm bốn mươi bảy triệu, ba trăm nghìn đồng). Đất được định vị: Phía Tây Nam giáp đường đi của xóm có chiều dài từ điểm 24 đến điểm 15 dài 20,44 mét; phía Tây Bắc giáp đường đi chung vào thửa đất và thửa đất tạm giao cho ông S và giao cho những người thừa kế gồm ông C, ông T, ông S, bà Th, bà D có chiều dài từ điểm 25 đến điểm 28 dài 22,57 mét, từ điểm 28 đến điểm 29 dài 0,82 mét; phía Đông Bắc giáp phần đất tạm giao cho bà Võ Thị D có chiều dài từ điểm 29 đến điểm 23 dài 21 mét; phía Đông Nam giáp đường xóm có chiều dài từ điểm 24 đến điểm 23 dài 19,68 mét (có sơ đồ kèm theo và ký hiệu S7).

Giao cho bà Dương Thị Th, anh Võ Tất Đ và chị Võ Dương Thu H ông Võ Đình T (Là những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Đình T) và bà Dương Thị Th được quyền sở hữu 01 ngôi nhà cấp bốn có diện tích khoảng 40m², các công trình phụ kèm theo và cây cối trên phần đất được giao.

2.4. Tạm giao cho ông Nguyễn Viết S (Người đại diện của những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Võ Thị D) được quyền sử dụng diện tích đất 115,9m² có trị giá 1.506.700.000 đồng (Một tỷ, năm trăm linh sáu triệu, bảy trăm nghìn đồng). Đất được định vị: Phía Đông Nam giáp đường đi của xóm có chiều dài từ điểm 22 đến điểm 23 dài 5,5 mét; phía Tây Nam giáp phần đất tạm giao cho ông Võ Đình T có chiều dài từ điểm 29 đến điểm 23 dài 21 mét; phía Tây Bắc giáp thửa đất tạm cho những người thừa kế gồm ông C, ông T, ông S, bà Th, bà D có chiều dài từ điểm 29 đến điểm 20 dài 06 mét; phía Đông Bắc từ điểm 20 đến điểm 21 dài 9,8 mét và từ điểm 21 đến điểm 22 dài 11,22 mét (có sơ đồ kèm theo và ký hiệu S6).

2.5. Tạm giao cho ông Võ Đình C được quyền sử dụng diện tích đất 270,2m² có trị giá 1.756.300.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm năm mươi sáu triệu, ba trăm nghìn đồng). Đất được định vị: Phía Đông Nam giáp nhà ông Chiến có chiều dài từ điểm 15 đến điểm 14 dài 6,96 mét và từ điểm 14 đến điểm 13 dài 11,12 mét; phía Đông Bắc giáp đường đi của xóm có chiều dài từ điểm 13 đến điểm 12 dài 10,20 mét và từ điểm 12 đến điểm 11 dài 4,80 mét; phía Tây Bắc giáp thửa đất tạm cho bà Võ Thị Th có chiều dài từ điểm 11 đến điểm 17 dài 17,72 mét; phía Tây Nam giáp phần đất tạm giao cho ông Võ Đình S và thửa đất tạm giao những người thừa kế gồm ông C, ông T, ông S, bà Th, bà D có chiều dài từ điểm 17 đến điểm 16 dài 9,54 mét và từ điểm 16 đến điểm 15 dài 05 mét.

Giao cho ông Võ Đình C được quyền sở hữu 01 ngôi nhà cấp bốn diện tích khoảng 60m² và toàn bộ công trình, cây cối trên phần đất được giao do anh Võ Tất Thành và chị Lê Thị Khánh Vân giao lại (có sơ đồ kèm theo và ký hiệu S3).

2.6. Tạm giao cho bà Võ Thị Th được quyền sử dụng diện tích đất 200m² có trị giá 1.300.000.000 đồng (Một tỷ, ba trăm triệu đồng). Đất được định vị: Phía Đông Nam giáp phần đất tạm giao cho ông Võ Đình C có chiều dài từ điểm 11 đến điểm 17 dài 17,72 mét; phía Đông Bắc giáp đường đi của xóm có chiều dài từ điểm 11 đến điểm 10 dài 0,15 mét, từ điểm 10 đến điểm 9 dài 8,63 mét;

phía Bắc giáp đường xóm có chiều dài từ điểm 9 đến điểm 8 dài 2,55 mét; phía Tây Bắc giáp đường xóm có chiều dài từ điểm 8 đến điểm 7 dài 15,76 mét; phía Tây Nam giáp phần đất tạm giao cho ông Võ Đình S có chiều dài từ điểm 17 đến điểm 7 dài 12,67 mét.

Giao cho bà Võ Thị Th được quyền sở hữu 01 ngôi nhà cấp bốn và các công trình trên phần diện tích đất được giao (Ký hiệu S2 sơ đồ kèm theo).

2.7. Tạm giao cho ông Võ Đình S được quyền sử dụng diện tích đất 569,6 m² có trị giá 3.816.150.000 đồng (Ba tỷ, tám trăm mười sáu triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng). Đất được định vị: Phía Đông Nam giáp phần đất tạm giao cho những người thừa kế gồm ông C, ông T, ông S, bà Th, bà D có chiều dài từ điểm 16 đến điểm 30 dài 17,59 mét và giáp đường đi vào có chiều dài từ điểm 30 đến điểm 1 dài 5,51 mét; phía Đông Bắc giáp phần đất tạm giao cho ông Võ Đình C có chiều dài từ điểm 16 đến điểm 17 dài 9,54 mét và giáp phần đất tạm giao cho bà Võ Thị Th có chiều dài từ điểm 17 đến điểm 7 dài 12,67 mét; phía Tây Bắc giáp đường xóm có chiều dài từ điểm 7 đến điểm 6 dài 5,93 mét; từ điểm 4 đến điểm 5 dài 8,33 mét; từ điểm 5 đến điểm 4 dài 1,44 mét; từ điểm 4 đến điểm 3 dài 5,03 mét; phía Tây Nam giáp phần đất nhà ông Đoàn có chiều dài từ điểm 3 đến điểm 2 dài 7,47 mét; từ điểm 2 đến điểm 1 dài 22,35 mét.

Giao cho ông Võ Đình S được quyền sở hữu ngôi nhà cấp bốn và các công trình trên phần diện tích đất được giao (Ký hiệu S1 sơ đồ kèm theo).

(Chi tiết các phần đất có sơ đồ kèm theo Bản án sơ thẩm)

Ông Võ Đình S, bà Võ Thị Th, ông Võ Đình C, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Đình T (Bà Dương Thị Th, anh Võ Tất Đạt, chị Võ Dương Thu Hà) và vợ chồng anh Võ Tất Thành, chị Lê Thị Khánh Vân là những người đang quản lý, sử dụng đất có quyền và nghĩa vụ phải thi hành án giao đất, tài sản cho nhau.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật. Diện tích đất ở sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định cụ thể được chia cho ông Võ Đình C, người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Võ Đình T, ông Võ Đình S, bà Võ Thị Th, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Võ Thị D được quyền sử dụng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về án phí sơ thẩm:

Miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho ông Võ Đình C;

Buộc ông Võ Đình S phải chịu 106.040.000 đồng (Một trăm linh sáu triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng);

Buộc bà Võ Thị Th phải chịu 51.000.000 đồng (Năm mươi một triệu đồng);

Buộc những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà Võ Thị D (ông Nguyễn Viết Sửu đại diện) phải chịu 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng) án phí Dân sự sơ thẩm;

Buộc bà Dương Thị Th, anh Võ Tất Đạt và chị Võ Dương Thu Hà phải chịu 113.747.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Kỹ phần mỗi người phải chịu 37.915.600 đồng (*Ba mươi bảy triệu, chín trăm mười lăm nghìn, sáu trăm đồng*).

4. Về án phí phúc thẩm: Buộc bà Dương Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và buộc bà Dương Thị Th, anh Võ Tất Đạt và chị Võ Dương Thu Hà phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0001321 và AA/2020/0001322 ngày 22 tháng 9 năm 2021.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Phấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Phấn